BÁO CÁO

2 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 KHÓA XII VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRỞ THÀNH MỘT ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG CỦA NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Hà Nội, tháng 4/2019

Mở đầu

Trong hơn 30 năm đổi mới, Đảng ta luôn kiên định và nhất quán đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Đảng ta luôn quan tâm và có nhiều chủ trương, chính sách phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế. Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển.

Để phát triển kinh tế tư nhân trong tình hình mới, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 *"Về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"* (sau đây gọi là Nghị quyết 10). Qua gần 02 năm thực hiện, Nghị quyết 10 từng bước đi vào cuộc sống và bước đầu phát huy tác dụng thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển nhanh hơn và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế, nhất là góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư, tăng thu ngân sách nhà nước, tạo việc làm, cải thiện an sinh xã hội, đồng thời góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW

- *Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 10 đã được triển khai khá đồng bộ từ Trung ương đến địa phương*. Toàn bộ hệ thống chính trịtừ Trung ương tới địa phương đã nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 10, cụ thể hóa các quan điểm, giải pháp thành chương trình hành động. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 10, trong đóđã cụ thể hóa thành 05 nhóm nhiệm vụ chủ yếu.

- *Cấp ủy các cấp từ Trung ương đến địa phương triển khai khẩn trương, đồng bộ việc học tập, quán triệt, phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết 10 trong cán bộ, đảng viên và nhân dân theo Hướng dẫn số 36-HD/BTGTW ngày 12/6/2017 cả Ban Tuyên giáo Trung ương với nhiều hình thức phong phú, đa dang và phù hợp với điều kiện cụ thể của các cơ quan, tổ chức, địa phương***.** Việc học tập, quán triệt Nghị quyết 10 đã trở thành đợt sinh hoạt chính trị rộng khắp trong

hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần thống nhất và nâng cao nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân về chủ trương phát triển kinh tế tư nhân của Đảng.

2. Thể chế hóa Nghị quyết số 10-NQ/TW và hoàn thiện khung khổ pháp lý, chính sách tạo thuận lợi hơn để kinh tế tư nhân phát triển

- Quốc hội đã ban hành và chỉ đạo triển khai một số luật quan trọng[1] *và ưu tiên xem xét đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh*[2] *những dự án luật nhằm thể chế hóa Nghị quyết 10.* Bên cạnh ban hành Luật cạnh tranh, Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 của Luật đầu tư; theo đó phạm vi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được thu hẹp từ 267 ngành, nghề xuống còn 243 ngành, nghề bắt đầu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2017.

- Hằng năm, Chính phủ ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP, Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nhiều giải pháp về cải thiện môi trường kinh doanh đã được Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ ban hành và chỉ đạo thực hiện[3], như cải cách thủ tục hành chính, giảm chi phí sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được Chính phủ, bộ, ngành, địa phương ban hành, hướng dẫn các luật liên quan đến hoạt động kinh doanh và quản lý khu vực kinh tế tư nhân.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động; thúc đẩy tự nguyện liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác hoặc chuyển đổi sang hoạt động kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo quy định của Nghị định này, doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh sẽ được hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp; Hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin doanh nghiệp; Hỗ trợ thẩm định, cấp phép kinh doanh

---

[1] Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Luật cạnh tranh; Luật du lịch; Luật thủy sản; Luật lâm nghiệp; Luật ngoại thương; Luật chuyển giao công nghệ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức; Nghị quyết về thí điểm xử lý nợ xấu,…

[2] Luật sửa đổi Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật lao động;…

[3]Nghị quyết 139/NQ-CP ngày 9/11/2018 của Chính phủ ban hành chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp; Thủ tướng Chính phủ ban hành các Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 05/3/2018, Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Chỉ thị số 20/CT-TTg về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020.

lần đầu; Hỗ trợ lệ phí môn bài và hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán. Tiếp đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp, trong đó bổ sung quy định đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

- *Triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, phong trào khởi nghiệp*. Chính phủ đã ban hành các nghị định quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo[4], cụ thể hóa các quy định, chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- *Tăng cường thực thi pháp luật về hợp đồng; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả của các thiết chế giải quyết tranh chấp kinh tế, dân sự, trọng tâm là các hoạt động thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại và toà án nhân dân các cấp, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp.*

Ngành tư pháp đã có những bước đi tích cực trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi hợp đồng và giải quyết tranh chấp. Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được ban hành năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018 cũng đã bổ sung các quy định về: Chủ thể "pháp nhân thương mại", tạm ứng kinh phí bồi thường, về rút ngắn thời hạn giải quyết yêu cầu bồi thường từ 95-125 ngày xuống còn từ 41-71 ngày. Các quy định bổ sung này đã tạo điều kiện rút ngắn thời gian giải quyết các vụ án dân sự và kinh doanh thương mại cũng như giảm chi phí giải quyết tranh chấp.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, hoàn thiện chính sách tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ; triển khai xây dựng Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia trong năm 2019. Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016- 2020 tập trung cho hỗ trợ dự án thuộc các lĩnh vực: Truyền thông, đào tạo về sở hữu trí tuệ, hỗ trợ tăng cường thực thi và thông tin sở hữu trí tuệ, khai thác, áp dụng sáng chế, bảo hộ sản phẩm đặc thù địa phương và tổ chức hoạt động sở hữu trí tuệ đã và đang được chuẩn bị với các điều kiện cần thiết.

Bộ Tư pháp triển khai xây dựng Đề án hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp dân sự bằng phương thức trọng tài thương mại, hòa giải thương mại và phương thức giải quyết tranh chấp khác ngoài tố tụng theo hướng thống nhất, đồng bộ, đảm bảo hiệu lực thực thi và bảo vệ quyền sở hữu tài sản.

- *Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công; xây*

[4] Nghị định số 34/NĐ-CP ngày 08/3/2018 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

dựng chính phủ điện tử; sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng, hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức. Hệ thống chính trị từ Trung ương tới địa phương tích cực đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Với tinh thần "Quyết liệt, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả", hoạt động của Chính phủ ngày càng sát dân, đáp ứng tốt hơn nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của người dân. Công tác cải cách hành chính được tiến hành đồng bộ và có những chuyển biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực; công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính được quan tâm triển khai quyết liệt[5]. Tăng cường thực hiện cơ chế một cửa quốc gia, ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý thủ tục hành chính. Tiếp tục triển khai các yêu cầu, nhiệm vụ của Nghị quyết 30a/NQ-CP về Chính phủ điện tử và Nghị quyết 30c/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020.

Việc triển khai thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, ngành, địa phương đã tạo sự chuyển biến trong công tác cải cách hành chính. Kiên quyết sắp xếp lại bộ máy, giảm đầu mối, tinh giản biên chế ở Trung ương và địa phương. Thí điểm triển khai một số mô hình tổ chức bộ máy ở các địa phương trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất các đơn vị, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ tương đồng. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới; tăng cường phân cấp cho chính quyền địa phương. Chế độ công chức, công vụ được cải tiến; chất lượng, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính nhà nước được nâng lên, đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ.

b) Mở rộng khả năng tham gia thị trường và thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng

Khung pháp luật và chính sách được ban hành và sửa đổi, bổ sung trong thời gian qua đã hướng đến mục tiêu tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền nhà nước; kiểm soát, ngăn chặn, xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp; tăng cường cải cách, thu hẹp những ngành lĩnh vực mà Nhà nước nắm giữ đã tạo điều kiện cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng bình đẳng, thuận lợi cho các chủ thể kinh tế.

c) Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất

[5] Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương cắt giảm từ 1/3 đến 1/2 thời gian thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến quyền của người sử dụng đất; trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành.

là giao thông, năng lượng, viễn thông, đô thị, cấp, thoát nước, thuỷ lợi, xử lý chất thải, dịch vụ hậu cần và tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận, sử dụng bình đẳng, với chi phí hợp lý. Khu vực tư nhân ngày càng được khuyến khích tham gia vào các hoạt động đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thông qua các hình thức đối tác công - tư, đấu thầu xây dựng vv…

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (thay thế Nghị định số 15/2015/NĐ-CP) với nhiều quy định mới như: mở rộng lĩnh vực từ chỉ tập trung kết cấu hạ tầng sang các lĩnh vực dịch vụ công; mở rộng các loại hình hợp đồng PPP như BOT, BT, BTO, O&M, BTL, BOO,… Đẩy mạnh thực hiện cơ chế hợp tác công - tư trong đầu tư, khai thác các dự án, công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật với mục tiêu đặt ra kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu tư, vận hành và thu hồi vốn của các dự án kết cấu hạ tầng để giảm chi phí sản xuất, kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp, nhất là trong các dự án hạ tầng giao thông. Thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về đấu thầu qua mạng; chấn chỉnh công tác đấu thầu trong các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm sử dụng vốn nhà nước; quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và việc cung cấp thông tin về đấu thầu...

- *Hệ thống giao thông tiếp tục được đầu tư mở tạo điều kiện cho vận chuyển hàng hóa, hành khách*. Kết nối các hệ thống giao thông liên kết vùng và địa phương, kết nối hệ thống giao thông trong nước với quốc tế tiếp tục được tăng cường. Tính đến năm 2018, nhiều công trình hạ tầng mang tính kết nối đươc hoàn thành đưa vào sử dụng; đẩy nhanh tiến độ thi công, nâng cao chất lượng các công trình, dự án, nhất là các công trình, dự án trọng điểm như đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Vân Đồn - Hạ Long - Hải Phòng, cầu Bạch Đằng vv…

d) Tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực của kinh tế tư nhân

- *Thị trường đất đai, bất động sản được chú trọng phát triển ổn định, đồng bộ hơn;* mở rộng các quyền và nghĩa vụ của các đối tượng kinh tế tư nhân liên quan đến đất đai, tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước mở rộng quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh. Thị trường tài chính, đặc biệt là thị trường tiền tệ và thị trường vốn được cơ cấu lại và hoạt động an toàn, ổn định hơn.

- *Chính phủ và các cơ quan liên quan đã có những quy định, chính sách nhằm tăng cường khả năng tiếp cận tài chính, tín dụng của kinh tế tư nhân*[6] *và đã đạt được những kết quả tích cực*. Chính phủ đã ban hành Nghị định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị

[6] Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 116/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định 55/2015/NĐ-CP về một số chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

định về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX và Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX. Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX đã được duyệt cấp bổ sung 300 tỷ đồng vốn điều lệ năm 2018.

Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) triển khai hỗ trợ cho các doanh nghiệp tiếp cận bình đẳng và thuận lợi với nguồn vốn tín dụng theo cơ chế thị trường thông qua việc cung cấp các thông tin doanh nghiệp và cải cách thủ tục trong hoạt động ngân hàng, nhất là hoạt động cho vay.

- *Rà soát, cải cách hệ thống chính sách thuế nhằm thực hiện những nội dung ưu đãi mà các luật mới được Quốc hội ban hành;* nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; nghiên cứu, rà soát các chính sách thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật xây dựng, Luật kinh doanh bất động sản; triển khai xây dựng Luật quản lý thuế (sửa đổi).

Triển khai rà soát và hoàn thiện các quy định pháp luật về hải quan để tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, bao gồm việc sửa đổi các quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan. Giảm chi phí kinh doanh và gia nhập thị trường của doanh nghiệp[7].

Để tạo điều kiện tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Chính phủ hỗ trợ kinh tế tư nhân tiếp cận, khai thác các cơ hội trong hội nhập quốc tế, tích cực đàm phán, ký kết, triển khai các FTA thế hệ mới, mở rộng thị trường, đẩy mạnh đầu tư và thương mại quốc tế. Các giải pháp cụ thể đã được triển khai[8] góp phần mở rộng thị trường xuất khẩu, tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị, mạng lưới sản xuất toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh, tiếp cận vốn đầu tư, công nghệ tri thức, kinh nghiệm quản lý hiện đại.

đ) Về hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động

---

[7] Trong năm 2017, chính sách giảm phí, lệ phí trong đăng ký doanh nghiệp đã được ban hành; theo đó, từ ngày 20/01/2018, lệ phí đăng ký doanh nghiệp đã giảm 50% so với quy định trước đây (từ 200.000 đồng còn 100.000 đồng) và miễn 100% nếu doanh nghiệp đăng ký qua mạng điện tử.

[8] Như: Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế để phục vụ các hoạt động đầu tư, kinh doanh của các doanh nghiệp; Xây dựng và kết nối hệ thống Cơ chế một cửa quốc gia; Tích cực, chủ động đàm phán các hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư song phương với các đối tác nước ngoài; tham gia đàm phán nội dung đầu tư trong các hiệp định thương mại tự do như RCEP, EVFTA đã ký kết, thông qua Hiệp định CPTPP vv…

- *Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ngày càng hoàn thiện.* Vận hành, khai thác và phát triển Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia; xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Việt Nam với quốc tế.

- *Các văn bản quy định cơ chế hỗ trợ, khuyến khích phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường khoa học, công nghệ,* khuyến khích, hỗ trợ hoạt động liên kết công - tư thực hiện các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu tạo ra sản phẩm khoa học và phát triển công nghệ vv... ngày càng hoàn thiện[9].

- *Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác với các cơ quan, tổ chức, cá nhân triển khai dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học, công nghệ.* Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật hoạt động giải mã công nghệ. Thúc đẩy thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hỗ trợ hoạt động liên kết chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa các tổ chức khoa học, công nghệ với doanh nghiệp.

- *Xây dựng và hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng;* hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo; phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ. Tăng cường khuyến khích hoạt động liên kết ngành, tham gia chuỗi giá trị của các doanh nghiệp tư nhân trong nước với chính sách thu hút đầu tư nước ngoài.

3. Môi trường kinh doanh được cải thiện, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân

Nhờ sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và triển khai nhiều chính sách, giải pháp, môi trường kinh doanh của Việt Nam trong 2 năm qua đã có những chuyển biến tích cực. Tâm lý của nhân dân và tinh thần của doanh nhân, cộng đồng doanh nghiệp đã được nâng lên, củng cố lòng tin vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân.

- *Xếp hạng môi trường kinh doanh Việt Nam năm 2019 đứng thứ 69/190 quốc gia*, tăng 21 bậc so với năm 2016, trong đó xếp hạng của một số chỉ tiêu thành phần tăng khá cao như: thành lập doanh nghiệp (tăng 15 bậc); tiếp cận điện (tăng 81 bậc); bảo vệ nhà đầu tư tối thiểu (tăng 33 bậc); nộp thuế (tăng 37 bậc); thực hiện hợp đồng (tăng 12 bậc).

Bảng 1. Xếp hạng môi trường kinh doanh 2016-2019

[9] Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019
1. Xếp hạng	**90/189**	**82/190**	**68/190**	**69/190**
2. Thành lập doanh nghiệp	**119**	**121**	**123**	**104**
Số thủ tục	10	9	9	8
Số ngày	20	24	22	17
3. Cấp phép xây dựng	**12**	**24**	**20**	**21**
Số thủ tục	10	10	10	10
Số ngày	166	166	166	166
4. Tiếp cận điện	**108**	**96**	**64**	**27**
Số thủ tục	6	5	5	4
Số ngày	59	46	46	31
5. Đăng ký tài sản	**58**	**59**	**63**	**60**
Số thủ tục	5	5	5	5
Số ngày	57.5	57.5	57.5	53.5
6. Tiếp cận tín dụng	**28**	**32**	**29**	**32**
7. Bảo vệ nhà đầu tư thiểu số	**122**	**87**	**81**	**89**
8. Nộp thuế	**168**	**167**	**86**	**131**
Số lần nộp trong năm	30	31	14	10
Thời gian (số giờ trong 1 năm)	770	540	498	498
9. Thương mại qua biên giới	**99**	**93**	**94**	**100**
Thời gian xuất khẩu				
Kiểm tra hồ sơ (số giờ)	83	50	50	50
Kiểm tra thông quan (số giờ)	57	58	55	55
Chi phí xuất khẩu				
Kiểm tra hồ sơ (USD)	139	109	139	139
Kiểm tra thông quan (USD)	309	309	290	290
Thời gian nhập khẩu				
Kiểm tra hồ sơ (số giờ)	106	76	76	76
Kiểm tra thông quan (số giờ)	64	62	56	56
Chi phí nhập khẩu				
Kiểm tra hồ sơ (USD)	183	183	183	183
Kiểm tra thông quan (USD)	268	392	373	373
10. Thực hiện hợp đồng	**74**	**69**	**66**	**62**
Thời gian (số ngày)	400	400	400	400
Chi phí (% giá trị tranh chấp)	29	29	29	29
11. Giải quyết phá sản	**123**	**125**	**129**	**133**
Thời gian (năm)	5	5	5	5
Chi phí (% giá trị tài sản)	15	14.5	14.5	14.5
Tỷ lệ thu hồi (xu trên đô la Mỹ)	20.1	21.6	21.8	21.3

Nguồn: Báo cáo môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới

- Để đánh giá mức độ cải thiện môi trường kinh doanh, Báo cáo sử dụng các kết quả khảo sát, điều tra thường niên thông qua chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) để xây dựng chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia (NCI).

Hình 1: Chỉ số NCI giai đoạn 2016-2018

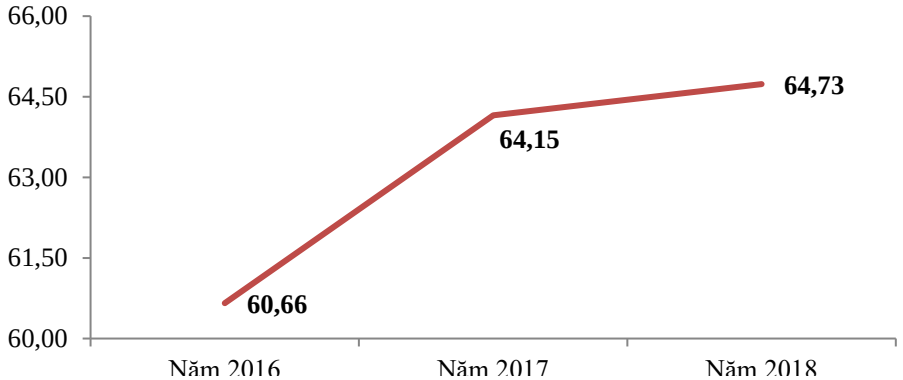

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu PCI 2016-2018.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay, chỉ số NCI đã có sự cải thiện đáng kể, đặc biệt trong giai đoạn 2016-2017, mặc dù tốc độ tăng có chậm lại trong năm 2017-2018. Điều phản ánh cảm nhận tích cực của doanh nghiệp đối với xu hướng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh chung tại Việt Nam. Phân tích các chỉ số thành phần của NCI cho thấy (Hình 2), có đến **6/10** chỉ số thành phần có điểm số liên tục tăng trong giai đoạn 2016-2018, bao gồm: **(i)** Tiếp cận đất đai; **(ii)** Chi phí thời gian; **(iii)** Chi phí không chính thức; **(iv)** Cạnh tranh bình đẳng; **(v)** Tính năng động; **(vi)** Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự. Chỉ có 2/10 chỉ số có sự giảm điểm là Gia nhập thị trường và Tính minh bạch, chỉ số Đào tạo lao động có sự cải thiện khá năm 2017 và sút giảm chút ít vào năm 2018.

Hình 2: Sự thay đổi các chỉ số thành phần NCI giai đoạn 2016-2018

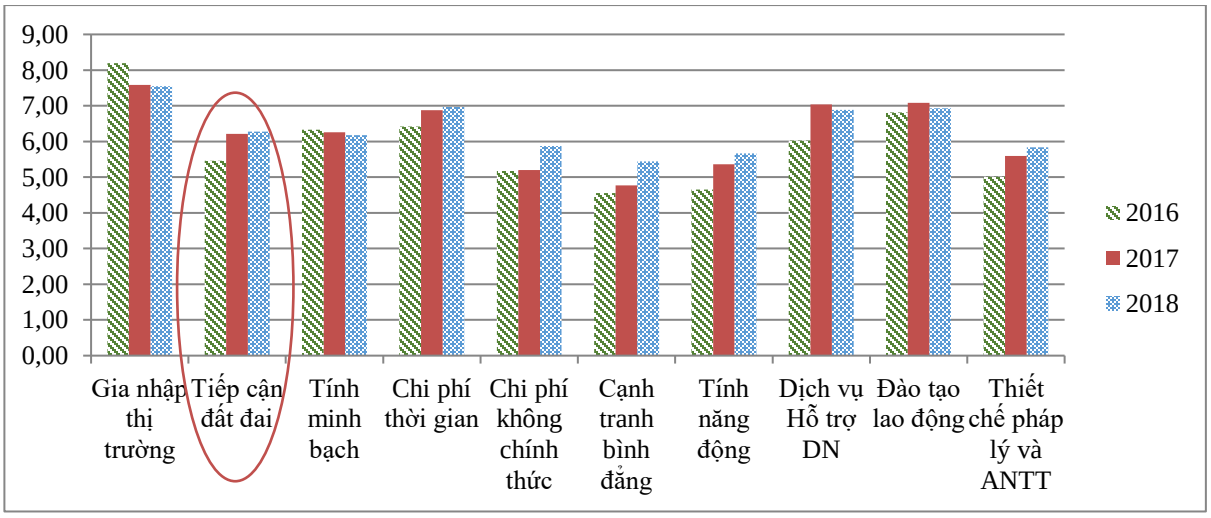

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu PCI 2016-2018

+ Chỉ số gia nhập thị trường vẫn phản ánh môi trường kinh doanh tại Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn dù có những cải cách ấn tượng trong thủ tục đăng ký doanh nghiệp nhưng gánh nặng "hậu đăng ký doanh nghiệp" đang là vấn đề lớn với nhiều doanh nghiệp. Cụ thể, năm 2018, có 18% doanh nghiệp cho biết phải chờ hơn 1 tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục (ngoài giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) để chính thức đi vào hoạt động (cao hơn mức 15,5% của năm

2016 và 2017), và tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn 3 tháng là 3,5% (thấp hơn mức 4,8% của năm 2017 nhưng vẫn cao hơn mức 2,5% của năm 2016). Các con số này vẫn đang trong xu hướng gia tăng trong 5 năm trở lại đây. Theo Báo cáo PCI 2018, tỷ lệ doanh nghiệp doanh nghiệp cho biết gặp khó khăn để xin được các loại giấy phép cũng cao ở mức đáng báo động[10].

+ Theo kết quả tính toán các chỉ số thành phần của NCI (Hình 2), chỉ số tiếp cận đất đai chung của cả nước đã tăng lên đáng kể cùng với xu hướng gia tăng[11] của chỉ số NCI (Hình 1), đặc biệt trong giai đoạn 2016-2017. Năm 2018, chỉ số tiếp cận đất đai tiếp tục cải thiện so với năm 2017 (năm 2018: 6,28 điểm; năm 2017: 6,21), cho thấy những dấu hiệu tích cực trong việc tiếp cận nguồn lực đất đai của doanh nghiệp qua từng năm.

Hình 3: Một số cấu phần của chỉ số tiếp cận đất đai chung cả nước

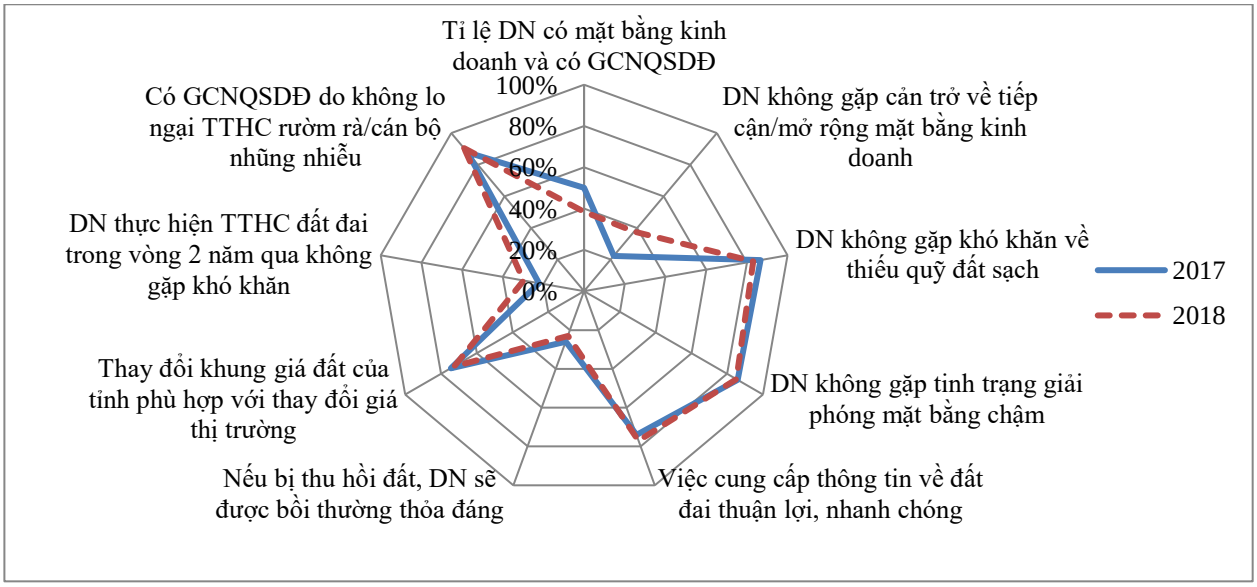

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu PCI 2017-2018

Phân tích các chỉ tiêu của chỉ số tiếp cận đất đai giai đoạn 2017-2018 (Hình 3) cho thấy, đa phần các chỉ tiêu đều giữ nguyên hoặc có sự cải thiện, chỉ có chỉ tiêu tỷ lệ doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) năm 2018 có giảm so với năm 2017. Tỷ lệ này giảm song hành

[10] 34% doanh nghiệp cho biết gặp khó khăn khi xin các giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện; 30% doanh nghiệp phải mất thời gian chờ đợi để nhận được giấy chứng nhận về phòng cháy chữa cháy.

[11] Chỉ số này càng cao phản ánh rằng doanh nghiệp càng dễ dàng trong việc tiếp cận đất đai và sử dụng đất ổn định.

với tỷ lệ các doanh nghiệp gặp khó khăn về việc thiếu quỹ đất sạch tăng lên, phản ánh việc nguồn lực đất đai ngày càng trở nên khan hiếm hơn, đặc biệt đối với các doanh nghiệp mới thành lập hoặc các doanh nghiệp có nhu cầu mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, xu hướng tích cực đáng ghi nhận trong hai năm qua đó là dù cho tình trạng khan hiếm hơn về nguồn lực đất đai nhưng khả năng tiếp cận đất đai của doanh nghiệp đã tăng lên đáng kể. Thể hiện qua các chỉ tiêu tỷ lệ doanh nghiệp không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (năm 2018 đạt 37,8% cao hơn mức 22,3% của năm 2017); tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn, trở ngại gì (năm 2018: 29,7%; 2017: 22,2%); tỷ lệ doanh nghiệp không có GCNQSDĐ do lo ngại thủ tục hành chính rườm rà/cán bộ nhũng nhiễu (năm 2018 là 9,5%, giảm so với mức 12,3% năm 2017). Cùng với đó, trên 70% doanh nghiệp đồng ý rằng *"Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường"*. Việc giảm thiểu các khó khăn cho doanh nghiệp và nâng cao tính thị trường trong khung giá đất không chỉ đem lại lợi ích gia tăng các cơ hội đầu tư mà còn cải thiện khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng khi thực hiện các khoản vay cần tài sản bảo đảm.

Đánh giá về các chính sách liên quan đến đất đai có tạo ra *"sự ổn định trong sử dụng đất"*, các doanh nghiệp cũng đánh giá rủi ro bị thu hồi đất trong năm 2018 là thấp hơn so với năm 2017. Cho thấy khu vực doanh nghiệp đã cảm thấy an tâm hơn đối với các quyền sử dụng đất dài hạn của doanh nghiệp mình, điều này sẽ khuyến khích doanh nghiệp thực hiện các khoản đầu tư dài hạn trên mặt bằng đó.

Hình 4: Một số chỉ tiêu của chỉ số tiếp cận đất đai tại 5 trung tâm kinh tế lớn giai đoạn 2017-2018

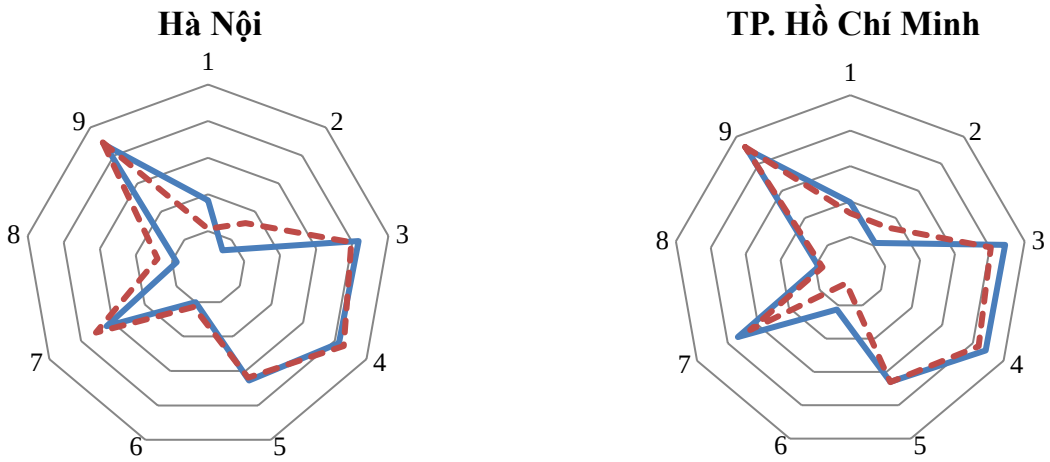

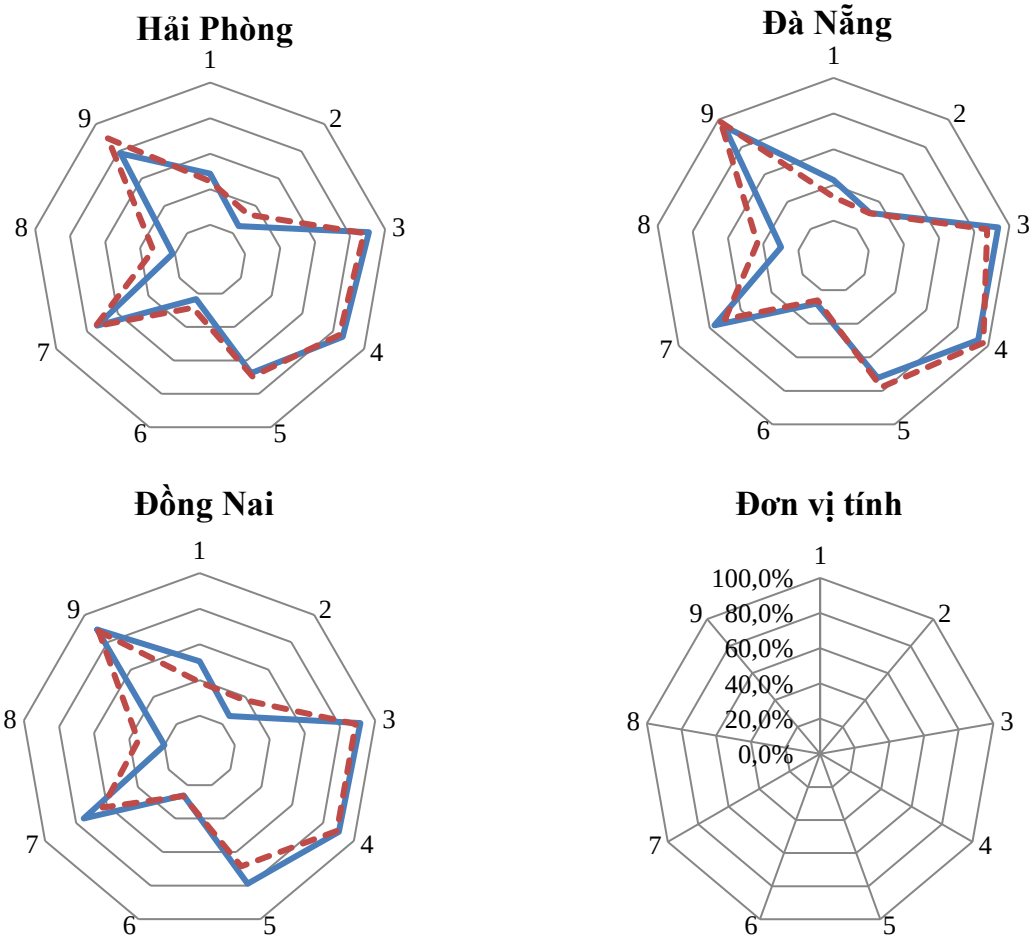

Ký hiệu: 1: Tỉ lệ doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh và có GCNQSDĐ; 2: Doanh nghiệp không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh; 3: Doanh nghiệp không gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch; 4: Doanh nghiệp không gặp tình trạng giải phóng mặt bằng chậm; 5: Việc cung cấp thông tin về đất đai thuận lợi, nhanh chóng; 6: Nếu bị thu hồi đất, doanh nghiệp sẽ được bồi thường thỏa đáng; 7: Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường; 8: Ddoanh nghiệp thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn; 9: Doanh nghiệp có GCNQSDĐ do không lo ngại thủ tục hành chính rườm rà/cán bộ nhũng nhiễu.

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu PCI 2017-2018

Xem xét các chỉ tiêu của chỉ số tiếp cận đất đai của 5 trung tâm kinh tế lớn (chiếm 50% tỷ lệ lao động làm việc trong các doanh nghiệp của cả nước) là Hà Nội, TP. Hồ Chính Minh, Đồng Nai, Hải Phòng và Đà Nẵng, đều cho thấy xu hướng tương tự với các chỉ tiêu chung của cả nước.

+ Mức độ bình đẳng giữa các doanh nghiệp có dấu hiệu cải thiện nhưng còn nhiều hạn chế. Điểm rất rõ ràng trong kết quả Điều tra PCI 2018 là các doanh nghiệp dân doanh cho biết mức độ bình đẳng so với khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước hoặc doanh nghiệp FDI đã có sự cải thiện. Cụ thể, tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Việc tỉnh ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp" đã giảm từ con số 40,9% năm 2016 và 42,7% năm 2017 xuống 34,7% năm 2018. Chỉ 39,5% doanh nghiệp cho biết là "tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực kinh tế tư nhân", giảm so với mức 50,4% của năm 2016 và 49,1% năm 2017. Hầu hết những hình thức ưu ái cụ thể đối với doanh nghiệp có phần vốn đầu tư nhà nước hoặc doanh nghiệp FDI như thuận lợi hơn trong thủ tục hành chính, tiếp cận đất đai đều đã giảm so với năm 2017. Tuy nhiên với tỷ lệ trên 30% vẫn là tỷ lệ rất cao, tạo ra sự phân biệt đối xử rất lớn đối với các doanh nghiệp dân doanh.

4. Kinh tế tư nhân bước đầu có sự phát triển mạnh mẽ hơn và từng bước khẳng định vai trò quan trọng của nền kinh tế

- Số lượng doanh nghiệp thành lập mới và số lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động quay trở lại hoạt động tăng lên

Hình 5. Biến động doanh nghiệp

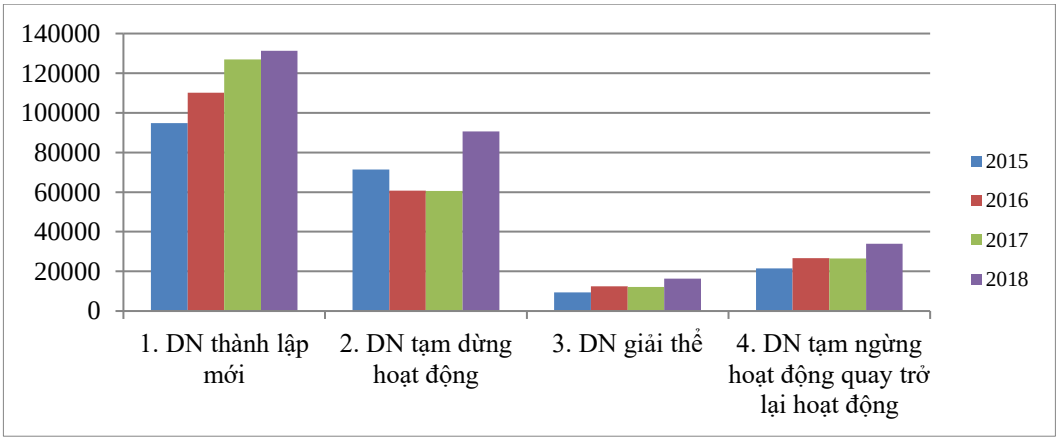

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Từ năm 2016, mỗi năm có thêm hơn 100 nghìn doanh nghiệp thành lập mới. Hai năm 2017-2018 có 258.134 doanh nghiệp được thành lập mới và 60.458 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động quay trở lại nhờ môi trường kinh doanh được cải thiện và các chính sách của Nhà nước hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.

Điểm tích cực trong hai năm qua là tinh thần khởi nghiệp lan tỏa rộng rãi trong xã hội và sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tư nhân trong một số lĩnh vực như xây dựng, chế biến, chế tạo, công nghiệp ô tô, vận tải hàng không, tài chính, ngân hàng, v.v...góp phần không nhỏ trong phát triển thương hiệu quốc gia Việt Nam trong những ngành, lĩnh vực có nhiều tiềm năng, thế mạnh. Xu hướng phát triển các mô hình kinh doanh khởi nghiệp sáng tạo diễn ra sôi động; hiện có hơn 3000 công ty khởi nghiệp sáng tạo (startup) đang hoạt động, trong đó có nhiều

doanh nghiệp thành công.

- Kinh tế tư nhân ngày càng đóng vai trò quan trong trong nền kinh tế, nhất là về tăng trưởng, đầu tư, thương mại, tạo việc làm, đóng góp vào NSNN.

+ Kinh tế tư nhân đóng góp lớn trong GDP và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh.

Khu vực kinh tế tư nhân đóng góp trên 40% GDP của nền kinh tế và có dấu hiệu tăng lên nhờ tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Đến năm 2018, ước tính kinh tế tư nhân đóng góp 42,1% GDP của nền kinh tế và có dấu hiệu tăng lên.

Bảng 2: Cơ cấu GDP

	2016	2017	2018
1. Kinh tế nhà nước	28,81	28,63	27,67
2. Kinh tế ngoài nhà nước	42,56	41,74	42,08
- Tập thể	3,92	3,76	
- **Doanh nghiệp của tư nhân**	**8,21**	**8,64**	
- Cá thể	30,43	29,34	
3. Khu vực FDI	18,59	19,63	20,28
4. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	10,04	10,00	9,97
Tổng số	**100**	**100**	**100**

Nguồn: Tổng cục Thống kê; Năm 2018 là số ước tính

+ Tạo nhiều việc làm mới; số lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong khu vực kinh tế chiếm đa số lực lượng lao động và ngày càng tăng. Năm 2019, số lao động đang làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân chiếm 83,3% tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc của cả nước, tương đương gần 45,2 triệu người (năm 2017: 44,9 triệu người).

Hình 6: Cơ cấu lao động

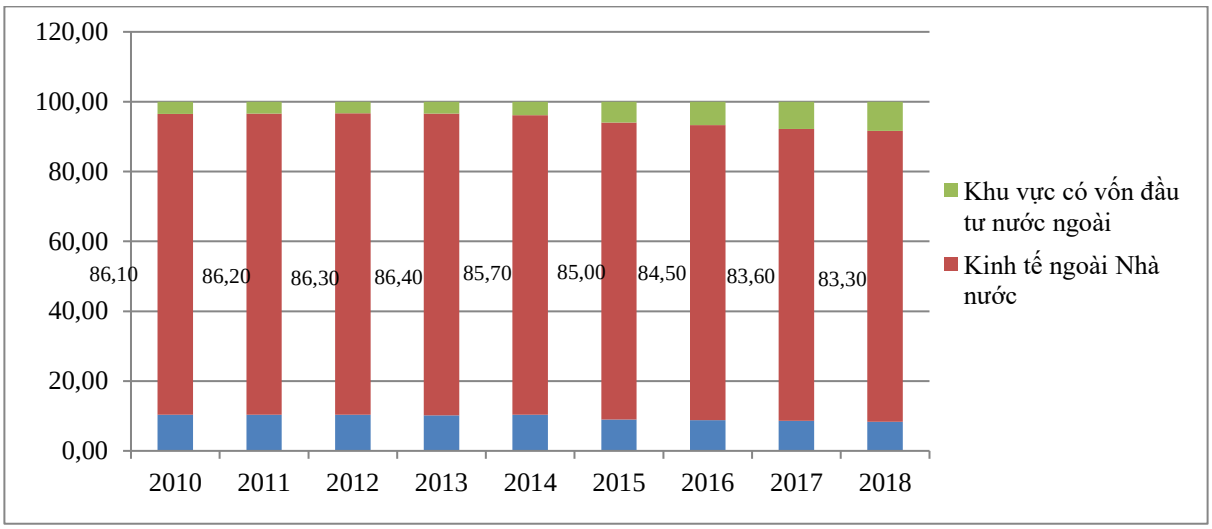

Nguồn: Tổng cục Thống kê; Năm 2018 là số ước tính

Trong 2 năm 2017-2018, số doanh nghiệp thành lập mới đã tạo gần 2,3 triệu việc làm mới.

+ Kinh tế tư nhân đóng vai trò ngày càng quan trọng trong đầu tư phát triển và thương mại

Hình 7: Cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội

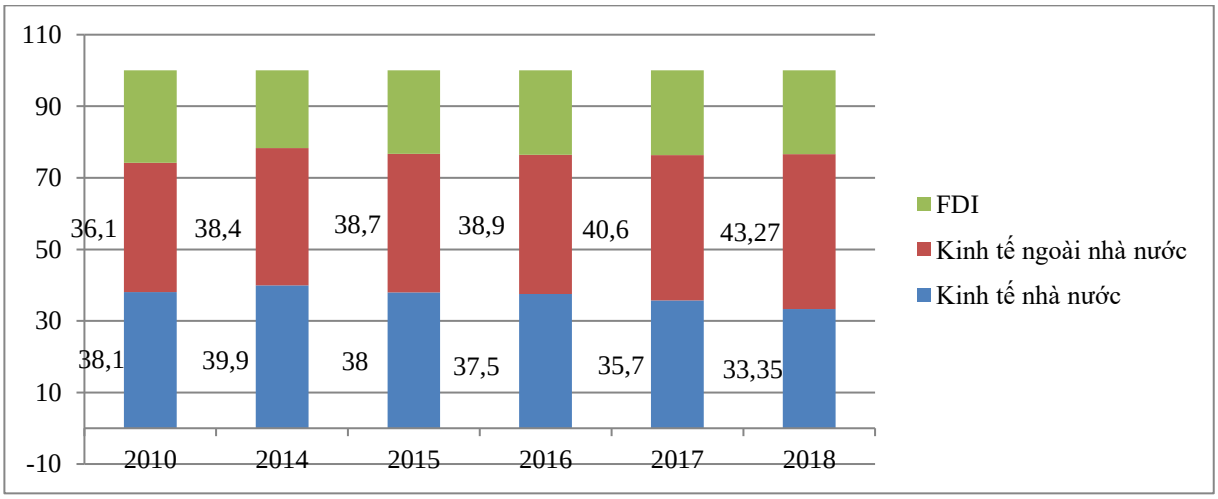

Nguồn: Tổng cục Thống kê; Năm 2018 là số ước tính

Trong 2 năm 2017-2018, vốn đầu tư của kinh tế tư nhân tăng trưởng lần lượt 17,1% và 18,5% so với năm trước, cao hơn tốc độ tăng trưởng của tổng vốn đầu tư toàn xã hội (khoảng 11-12%/năm). Theo đó, tỷ trọng vốn đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng nhanh và đã vượt mức 40% (năm 2017: 40,6% và năm 2018: 43,27%).

Kinh tế tư nhân huy động nguồn vốn lớn trong xã hội cho phát triển kinh tế. Trong 2 năm 2017-2018, số doanh nghiệp thành lập mới có tổng số vốn đăng ký là 2,77 triệu tỷ đồng (chưa bao gồm gần 4,28 triệu tỷ đồng vốn tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động).

Kinh tế tư nhân đóng vai trò quan trọng trong hoạt động thương mại của Việt Nam. Trong hai năm 2017-2018, khu vực kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng 25,3-26,3% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và chiếm tỷ trọng 34,7-34,8% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa, lớn gấp hơn 10 lần về xuất khẩu và gần 7 lần về nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp nhà nước (không kể dầu thô).

- Góp phần mở rộng nguồn thu và tăng thu NSNN

Bảng 3. Tốc độ tăng trưởng hàng năm thu sản xuất kinh doanh

	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
	TỔNG CỘNG	3.56	17.78	9.49	5.14	-2.14
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	-2.86	21.94	-0.59	-3.55	-26.43
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp FDI	11.42	13.89	14.21	6.92	8.25
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	6.44	15.48	21.23	15.23	15.88
3.1	*Thu từ các doanh nghiệp và tổ chức khu vực ngoài quốc doanh*	6.29	17.85	22.27	16.62	16.33
3.2	*Thu từ hộ gia đình và cá nhân kinh doanh khu vực ngoài quốc doanh*	7.98	-8.48	7.76	-5.37	7.70

Nguồn: Tổng cục Thuế

+ Thu NSNN từ sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân tăng nhanh, trên 15%/năm, cao khoảng gấp 2 lần khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, trong khi nộp NSNN từ sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm. Những nỗ lực của Chính phủ trong thúc đẩy phong trào khởi sự kinh doanh và cải thiện môi trường kinh doanh đã đem lại kết quả bước đầu. Thu NSNN từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh liên tục tăng trên 16%. Năm 2018 là năm đầu tiên thu NSNN từ sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân vượt khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực doanh nghiệp nhà nước. Những tín hiệu này phản ánh sự lớn mạnh về quy mô, số lượng chủ thể và sự cải thiện về hiệu quả của kinh tế tư nhân.

Bảng 4. Tỷ trọng thu sản xuất kinh doanh

	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
	TỔNG CỘNG	**100.00**	**100.00**	**100.00**	**100.00**	**100.00**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	42.97	44.49	40.40	37.06	27.86
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp FDI	29.91	28.93	30.17	30.68	33.94
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	27.11	26.58	29.43	32.26	38.20
3.1	*Thu từ các doanh nghiệp và tổ chức khu vực ngoài quốc doanh*	24.67	24.69	27.57	30.58	36.35
3.2	*Thu từ hộ gia đình và cá nhân kinh doanh khu vực ngoài quốc doanh*	2.44	1.90	1.87	1.68	1.85

Nguồn: Tổng cục Thuế

+ Đóng góp vào thu NSNN của kinh tế tư nhân ngày càng lớn. Từ năm 2016 trở về trước, thu NSNN từ hoạt động sản xuất kinh doanh của kinh tế tư nhân chỉ chiếm tỷ trọng dưới 30% tổng thu từ sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế, thấp hơn cả tỷ trọng của DNNN (thấp hơn đến 11%) và tỷ trọng của khu vực có

vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì tỷ trọng này của kinh tế tư nhân đã đã vượt khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và vượt xa (gần 9%) khu vực doanh nghiệp nhà nước.

Đóng góp vào tăng thu NSNN cho thấy sự phát triển của kinh tế tư nhân đã phát huy vai trò đối với việc củng cố nền tài chính quốc gia.

5. Một số vấn đề đáng quan tâm cần tập trung xử lý trong thời gian tới

- Môi trường kinh doanh của Việt Nam chưa thực sự thuận lợi, chưa được cải thiện vững chắc, thậm chí có dấu hiệu chững lãi; còn nhiều rào cản đối với phát triển kinh tế tư nhân chưa được tháo gỡ.

Xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam đứng thứ 69/190 quốc gia, giảm 1 bậc so với năm 2018 và xếp thứ 5 trong các nước ASEAN (sau Singapore, Malaysia, Thái Lan, Brunei), xếp thứ 8/25 quốc gia khu vực Đông Á – Thái Bình Dương.

Xếp hạng một số chỉ tiêu thành phần của môi trường kinh doanh giảm hoặc còn đứng ở vị trí thấp so với nhiều nước.

+ Thành lập doanh nghiệp đứng thứ 104/190 quốc gia với 8 thủ tục[12] và mất 17 ngày[13] để hoàn tất thủ tục.

+ Cấp phép xây dựng đứng thứ 21/190 quốc gia, giảm 9 bậc so với năm 2016 và không có đổi mới về thủ tục, số ngày xử lý trong năm 2017, 2018.

+ Đăng ký tài sản đứng thứ 60/190 quốc gia, giảm 2 bậc so với năm 2016 và không có đổi mới về thủ tục (10) và số ngày xử lý (166 ngày)[14] trong năm 2017, 2018.

+ Tiếp cận tín dụng đứng thứ 32/190 quốc gia, giảm 4 bậc so với năm 2016.

+ Nộp thuế đứng thứ 131/190 quốc gia với 10 lần nộp/năm[15] và thời gian mất 498 giờ/năm[16].

+ Thương mại qua biên giới đứng thứ 100/190 quốc gia với 55 giờ kiểm tra thông quan xuất khẩu và 56 giờ kiểm tra thông quan nhập khẩu[17].

---

[12] Singapore và Hồng Kông chỉ có 2 thủ tục; Brunei và Đài Loan có 3 thủ tục; Trung Quốc có 4 thủ tục; Thái Lan có 5 thủ tục.

[13] Singapore và Hồng Kông mất 1,5 ngày; Thái Lan 4,5 ngày; Brunei 5 ngày; Trung Quốc 8,6 ngày.

[14] Singapore mất 41 ngày; Malaysia 54 ngày; Hồng Kông 72 ngày; Thái Lan 82 ngày; Brunei 83 ngày.

[15] Hồng Kông 3 lần; Singapore và Brunei 5 lần; Trung Quốc 7 lần.

[16] Hồng Kông mất 34,5 giờ; Brunei 52,5 giờ; Singapore 64 giờ; Trung Quốc 142 giờ; Malaysia 188 giờ; Philippines 181 giờ.

[17] Hồng Kông mất tương ứng 1 giờ và 19 giờ; Singapore 10 giờ và 33 giờ; Đài Loan 17 giờ và 47 giờ; Trung Quốc 25,9 giờ và 48 giờ; Malaysia 28 giờ và 36 giờ.

+ Thực hiện hợp đồng đứng thứ 62/190 quốc gia, không có sự cải thiện về thời gian và chi phí giải quyết trong năm 2017, 2018.

+ Giải quyết phá sản đứng thứ 133/190 quốc gia, không có sự cải thiện đáng kể nào về thời gian (5 năm), chi phí (14,5%) và tỷ lệ thu hồi tài sản (21,3 xu/USD) trong năm 2017, 2018.

+ Mức độ cải thiện môi trường kinh doanh chưa đồng đều, cảm nhận của doanh nghiệp về sự cải thiện chưa cao[18].

Thực trạng trên cho thấy 2 vấn đề dẫn đến xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam chậm được cải thiện, thậm chí chững lại: ***Một là,*** mức độ, hiệu quả cải cách để cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam còn thấp hơn nhiều quốc gia; ***Hai là,*** hiệu quả triển khai các chính sách, biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh trên thực tế còn hạn chế.

Tuy nhiên, thực trạng này cũng cho thấy dư địa để tạo sự bứt phá về cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam còn nhiều, nhất là ở một số chỉ tiêu thành phần còn đang xếp hạng ở mức thấp, nếu Việt Nam có chính sách, biện pháp đúng đắn và được triển khai quyết liệt, hiệu quả.

+ Hệ thống thể chế nhiều bất cập và chậm hoàn thiện. Chậm xử lý một số quy định pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu rõ ràng và còn những điểm không thống nhất giữa Luật đầu tư, Luật đất đai, Luật đấu thầu, Luật xây dựng, Luật bảo vệ môi trường,… hoặc chưa phù hợp với thực tiễn ; chậm ban hành các văn bản hướng dẫn luật, nghị định ; việc triển khai một số chính sách còn chậm, thiếu nguồn lực thực hiện, tính thực thi chưa cao; một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp còn thiếu minh bạch và chưa bảo đảm công bằng[19] .

Các chính sách khuyến khích, hỗ trợ kinh tế tư nhân chưa thực sự phát huy hiệu quả. Các hoạt động hỗ trợ vẫn chậm được triển khai, mang tính mang mún và hiệu quả chưa cao; thiếu cơ chế giám sát, đánh giá đối với các chính sách hỗ trợ.

+ Trong thời gian qua đã có nhiều nỗ lực chỉ đạo quyết liệt và có một số kết quả bước đầu đáng ghi nhận, tuy nhiên vẫn chưa thực sự có chính sách đột phá tháo

---

[18]Theo báo cáo điều tra của VCCI về kết quả thực thi Nghị quyết 19 dưới góc nhìn của doanh nghiệp (năm 2018), 6 chỉ tiêu môi trường kinh doanh có "Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá" có sự cải thiện tốt hoặc rất tốt (đạt trên 50%), gồm: Khởi sự kinh doanh, Tiếp cận điện năng, Đăng ký tài sản, Giải quyết tranh chấp hợp đồng, Tiếp cận tín dụng, Bảo hiểm xã hội. Các chỉ số còn lại cải thiện chậm và thấp hơn kỳ vọng của doanh nghiệp (dưới 50%).

[19] Theo Đánh giá Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2018, 53% tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thỏa thuận các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế là công việc quan trọng trong kinh doanh; 29% tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn khi xin giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật; 34% tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn khi xin giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện; 70,2% doanh nghiệp đồng tình với nhận định "hợp đồng, đất đai, các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh.

gỡ những vướng mắc, tạo thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. So sánh quốc tế và khu vực, thủ tục gia nhập thị trường và khởi sự kinh doanh vẫn còn phức tạp, nước ta chỉ được xếp hạng thứ 104/190 quốc gia theo bảng xếp hạng của Ngân hàng thế giới năm 2018. Các nhà đầu tư chưa thực sự an tâm đầu tư lâu dài vào sản xuất kinh doanh do nhiều yếu tố như: Gánh nặng chi phí, thời gian tuân thủ pháp luật và rủi ro pháp lý cao; độ an toàn trong kinh doanh, mức độ bảo vệ quyền tài sản và chế tài thực thi hợp đồng kinh doanh còn thấp.

+ Những cải cách trong hoạt động quản lý, kiểm tra chuyên ngành mới chỉ đạt kết quả bước đầu ở một số bộ trong một số lĩnh vực, song vẫn còn quá ít so với yêu cầuvà mức độ vào cuộc của các bộ, ngành, địa phươngchưa đồng đều. Những vướng mắc trong quản lý, kiểm tra chuyên ngành chưa được xử lý triệt để như danh mục mặt hàng nhiều, quản lý chồng chéo, áp dụng quản lý trên cơ sở đánh giá rủi ro, mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; chuyển từ giai đoạn thông quan sang giai đoạn sau thông quan; minh bạch về danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành; điện tử hóa thủ tục; áp dụng thông lệ quốc tế chưa được các bộ quản lý chuyên ngành chú trọng cải cách toàn diện.

+ Quyền tự do kinh doanh chưa được tôn trọng đầy đủ, môi trường kinh doanh vẫn chưa thực sự đảm bảo cạnh tranh công bằng, lành mạnh giữa các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế. Vẫn còn tình trạng phân biệt đối xử trên thực tế trong tiếp cận nguồn lực, ưu đãi đầu tư giữa khu vực kinh tế tư nhân và khu vực doanh nghiệp nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là trong quá trình thực thi các quy định, chính sách[20].

+ Tồn tại nhiều rào cản điều kiện đầu tư kinh doanh; khả năng tiếp cận của khu vực tư nhân đối với vốn, đất đai, thông tin, thị trường, công nghệ còn hạn chế, chưa minh bạch, bình đẳng; nhiều doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận thị trường quốc tế, hội nhập quốc tế và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực; nguồn lao động chất lượng thấp. Thủ tục giải phóng mặt bằng, thu hồi đất mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp khó khăn khi mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh; rủi ro thu hồi đất cao và có chiều hướng tăng, tính minh bạch thấp[21].Chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh thực chất chưa đạt yêu cầu cắt giảm 50%. Một số điều kiện kinh doanh cắt giảm, sửa đổi, nhưng không thật sự tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

---

[20] Theo PCI 2018, 69% tỷ lệ doanh nghiệp cho biết cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh; 37% doanh nghiệp cho rằng tỉnh ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân và 32% doanh nghiệp cho rằng tỉnh ưu ái các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp;

[21] Theo báo cáo PCI 2018, có 30,8% doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh thủ tục đất đai, 16% doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tìm kiếm mặt bằng sản xuất kinh doanh phù hợp; 31% doanh nghiệp cho rằng việc cung cấp thông tin dữ liệu về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng; khả năng tiếp cận tài liệu quy hoạch của doanh nghiệp chỉ đạt 2,38 điểm (1 = không thể, 5 = rất dễ).

+ Thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện đổi mới và ứng dụng công nghệ, đặc biệt là các công nghệ tiên tiến theo xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

+ Chi phí giao dịch, kinh doanh còn cao, bao gồm các chi phí chính thức và không chính thức, các chi phí thực hiện thực thủ hành chính, tuân thủ pháp luật, logistics, chi phí lao động (lương, bảo hiểm xã hội) tăng nhanh.

+ Tình trạng tham nhũng, tiêu cực vẫn còn nhiều; hiệu lực, hiệu quả quản lý và vai trò kiến tạo của Nhà nước còn hạn chế; chất lượng cung cấp dịch vụ công chưa cao; việc ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện giao dịch điện tử, trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công còn thấp.Thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp và thiếu tính thống nhất, nhất là trong cấp phép, đầu tư, đất đai, đăng ký sở hữu,...; liên thông giải quyết thủ tục còn bất cập, nhiều rào cản thủ tục với doanh nghiệp để tiếp cận nguồn lực.

(Xem phụ lục kèm theo Báo cáo này về một số vướng mắc và kiến nghị, đề xuất chủ yếu của các doanh nghiệp)

- Số lượng doanh nghiệp thành lập mới nhiều nhưng cũng có một bộ phận không nhỏ doanh nghiệp không có khả năng tồn tại, đứng vững cạnh tranh và hoặc hoạt động kém hiệu quả, thậm chí có chiều hướng tăng lên

Trong 2 năm 2017-2018, có 151.204 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động; tỷ lệ số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động so với số doanh nghiệp thành lập mới lần lượt là 47,73% và 69,05%; gần 50% doanh nghiệp của tư nhân kinh doanh thua lỗ. Tỷ lệ doanh nghiệp có khả năng sống sót thấp ảnh hưởng lớn đến thực hiện mục tiêu đạt ít nhất 1 triệu doanh nghiệp đến năm 2020. Đến năm 2018, ước tính cả nước mới có gần 715 nghìn doanh nghiệp.

Kết quả đạt được bước đầu trong 2 năm 2017-2018 về phát triển kinh tế tư nhân khẳng định Nghị quyết 10 đang dần đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững hơn ở nước ta; đồng thời, khẳng định quan điểm, chủ trương nhất quán và xuyên suốt của Đảng ta về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế là hoàn toàn đúng đắn, đặc biệt là việc ban hành Nghị quyết 10 của Hội nghi Trung ương 5 khóa XII là kịp thời, đáp ứng nguyện vọng và sự mong mỏi của nhân dân, từ đó củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế của đất nước trong tình hình mới.Tuy nhiên, những kết quả đạt được nêu trên mới chỉ là bước đầu. Nhiều hạn chế, yếu kém và khó khăn, thách thức trong phát triển kinh tế tư nhân chưa được khắc phục; nhiều nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết 10 chưa được triển khai quyết liệt, đồng bộ và chưa mang lại sự chuyển biến, hiệu quả rõ rệt trên thực tế. Nếu không triển khai quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp mang tính đột phá, nhất là về cải thiện môi trường kinh doanh và thiếu sự quan tâm, nỗ lực của cả hệ thống chính trị, sự tham gia, đồng hành của nhân dân và khu vực kinh tế tư nhân thì một số mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân đến năm 2020 khó đạt được, nhất là mục tiêu

đạt được ít nhất 1 triệu doanh nghiệp, tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP khoảng 50% và tốc độ tăng trưởng của kinh tế tư nhân cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế./.